

# LUẬT TỬ PHẦN

Hán dịch: Đời Điều Tần, Tam tạng Phật Đà Da Xá  
và Trúc Phật Niệm.

## Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỖ KHEO (Tiếp Theo)

### CHƯƠNG V: NÓI VỀ 90 PHÁP Ba-dật-đề

#### 1. CỐ Ý VỌNG NGŨ<sup>1</sup>

##### A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Phật ở Thích-súy-sấu<sup>2</sup>, trong vườn Ni-câu-loại, nước Ca-đuy-la-vệ. Bấy giờ trong dòng họ Thích có người con trai nhà họ Thích tên là Tượng Lực<sup>3</sup> có tài đàm luận, thường cùng Phạm chí ngoại đạo luận bàn. Trường hợp bị thua, liền lật ngược lời nói trước. Giữa Tăng, khi hỏi đến việc ấy thì Tượng Lực cũng đảo ngược lời nói trước. Ở giữa chúng, biết nhưng ông vẫn nói dối. Các Phạm chí thường biếm nhẽ:

- Sa-môn Thích tử không có tầm quý, thường nói lời vọng ngữ,

1. Cf. Ngũ phần 6 (T22n1421, tr.>7b14); Tăng kỳ 12 (T22n1425, tr.>24c07); Thập tụng 7 (T2>n14>5, tr.6>b16); Căn bản 25 (T2>n1442, tr.760b16). Pali, Pācittiya 1. Mūsavāda, Vin. iv. 2.

2. Cf. Ngũ phần 6 (T22n1421, tr.>7b14); Tăng kỳ 12 (T22n1425, tr.>24c07); Thập tụng 7 (T2>n14>5, tr.6>b16); Căn bản 25 (T2>n1442, tr.760b16). Pali, Pācittiya 1. Mūsavāda, Vin. iv. 2.

3. Tượng Lực 象力. Ngũ phần 6 (T22n1421, tr.>7b15), Tỳ-kheo pháp sư Sa-lan 法師比丘名沙蘭. Tăng kỳ 12 (T22n1425, tr.>24c08); Trưởng lão Thi-li-da-bà 長老尸利耶婆; Thập tụng 7 (T2>n14>5, tr.6>b22); Tỳ-kheo họ Thích Ha-đa 訶哆釋子比丘; Căn bản 25 (T2>n1442, tr.760b17); Duyên khởi từ Tôn giả La-hầu-la 具壽羅怛羅 (Cụ thọ La-hồ-la), nhưng chưa chế giới; cho đến duyên khởi bởi Tỳ-kheo Pháp Thủ 法手苾芻 mới chế giới. Pali: Hatthako Sakya-putto.

mà tự xưng là ta phụng hành chánh pháp. Nhưng nay như vậy có gì là chánh pháp? Luận bàn không hơn, liền lật ngược lời nói trước. Khi ở trong chúng Tăng, được hỏi đến thì cũng lật ngược lời nói trước. Ở trong chúng, biết nhưng vẫn nói dối.

Trong số các Tỳ-kheo nghe đó, có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tầm quý quả trách Thích tử Tượng Lực:

- Sao thầy cùng Phạm chí ngoại đạo luận bàn, trường hợp bị thua, liền lật ngược lời nói trước. Giữa Tăng, khi hỏi đến việc ấy thì cũng đảo ngược lời nói trước. Ở giữa chúng, biết nhưng vẫn nói dối?

Khi ấy các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo, quả trách Tỳ-kheo Tượng Lực:

- Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm.

Tỳ-kheo Tượng Lực, sao cùng Phạm chí ngoại đạo luận bàn, trường hợp bị thua, liền lật ngược lời nói trước? Giữa Tăng, khi hỏi đến việc ấy thì cũng đảo ngược lời nói trước. Ở giữa chúng, biết nhưng vẫn nói dối?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quả trách Tỳ-kheo Tượng Lực rồi, bảo các Tỳ-kheo:

- Đây là người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vậy:

***Tỳ-kheo nào, biết mà nói dối, Ba-dật-đề.***<sup>4</sup>

**B. GIỚI TƯỚNG**

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Biết mà nói dối: Không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không xúc giác nói xúc giác, không hay biết nói hay biết,<sup>5</sup> thấy nói không thấy, nghe nói không nghe, xúc giác nói không xúc giác, hay biết nói không hay biết.

4. Ba-dật-đề. Thập tụng 7 (T2>nl4>5, tr.6>c19): Ba-dạ-đề 波夜提 tội danh; có nghĩa là thiếu đốt, ngăn bít. Nếu không sám hối, có thể chướng ngại đạo. Pali: Paccittiya.

5. Thấy, nghe, xúc, giác, hay biết, Hán: Kiến, văn, xúc, tri 見聞觸知. Bốn chức năng nhận thức, cũng thường nói là kiến, văn, giác, tri. Tăng-kỳ: Kiến văn tri thức 見聞知識. Pali: Didha, sutā, muta, vidā.

Thấy: Thấy bởi thức  
con mắt. Nghe: Nghe bởi  
thức của tai.

Xúc: Xúc giác bởi ba thức: Mũi, lưỡi và  
thân. Hay biết: Hay biết bởi ý thức.

Không thấy: Trừ nhãn thức ra, còn lại năm thức  
kia. Không nghe: Trừ nhĩ thức ra, còn lại năm thức  
kia. Không xúc giác: Trừ ba thức ra, còn lại mắt, tai  
và ý. Không hay biết: Trừ ý thức ra, còn lại năm  
thức kia.

Nếu người nào không thấy, không nghe, không xúc giác, không  
hay biết mà nói như vậy: Tôi thấy, nghe, xúc giác, hay biết; biết mà nói  
đối, Ba-dật-đề.

Nếu người nào không thấy, không nghe, không xúc giác, không  
hay biết, mà trong đó có tưởng thấy, tưởng nghe, tưởng xúc, tưởng biết,  
mà lại nói, - Tôi không thấy, không nghe, không xúc, không biết; biết  
mà nói đối, Ba-dật-đề.

Nếu người nào không thấy, không nghe, không xúc, không biết,  
mà trong ý sanh nghi nhưng lại nói như vậy, - Tôi không có nghi, rồi nói  
- Tôi thấy, tôi nghe, tôi xúc, tôi biết; biết mà nói đối, Ba-dật-đề.

Nếu người không thấy, không nghe, không xúc, không biết, mà  
trong ý có nghi nhưng lại nói - Trong đây tôi không nghi, rồi nói - Tôi  
không thấy, không nghe, không xúc, không biết; biết mà nói đối, Ba-  
dật-đề.

Nếu người không thấy, không nghe, không xúc, không biết, mà  
trong ý lại không nghi, rồi nói, - Tôi có nghi ngờ rằng tôi thấy, tôi xúc,  
tôi biết; biết mà nói đối, Ba-dật-đề.

Trong ý không nghi ngờ rằng - Tôi không thấy, tôi không nghe,  
tôi không xúc, tôi không biết, nhưng lại nói - Tôi có nghi ngờ rằng tôi  
không thấy, không nghe, không xúc, không biết; biết mà nói đối, Ba-  
dật-đề.

Điều này nên nói rộng: Trước đó khởi ý nghĩ, - Ta sẽ nói đối. Khi  
nói đối, tự biết là nói đối; nói đối rồi, biết là nói đối: Cố ý nói đối, Ba-  
dật-đề.

Trước đó khởi ý nghĩ, - Ta sẽ nói đối. Khi nói đối, tự biết là nói  
đối; nói đối rồi, không tự nhớ là đã nói đối: Cố ý nói đối, phạm Ba-dật-  
đề.

Trước đó không khởi ý nghĩ, - Ta sẽ nói đối. Khi nói đối, biết là  
nói đối; nói đối rồi, biết là nói đối: Cố ý nói đối, Ba-dật-đề.

Trước đó không khởi ý nghĩ nói đối. Khi nói đối, biết là nói  
đối;

nói dối rồi, không nhớ là nói dối: Cố ý nói dối, Ba-dật-đề.

Cái được thấy có khác, cái được nhìn nhận có khác, cái được ham muốn có khác, cái được xúc có khác, cái được tưởng có khác, cái được tâm tưởng có khác,<sup>6</sup> những việc như vậy đều là nói dối.

Giữa đại chúng, biết mà vẫn nói dối, Ba-dật-đề. Nói rõ ràng thì phạm Ba-dật-đề; nói không rõ ràng, phạm Đột-kiết-la. Khi thuyết giới cho đến ba lần hỏi, nhớ nghĩ mình có tội mà không nói, phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Không thấy nói không thấy; không nghe nói không nghe; không xúc nói không xúc, không hay biết nói không hay biết; thấy nói thấy; nghe nói nghe; xúc nói xúc, hay biết nói hay biết; ý tưởng có thấy, nói có thấy, thì không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.